**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ III.2017**

**I. Thông tin chung về Quỹ**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **4.68** (%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo; Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu là

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty Quản lý quỹ VFM phát triển.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**Thấp

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Ngày 10/06/2013

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/09/2017):

* Tổng giá trị tài sản ròng: **209.300.081.825** Việt Nam đồng
* Số lượng chứng chỉ quỹ: **13.365.682,99** chứng chỉ quỹ

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ**: (ở thời điểm báo cáo (N)):

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/09/2017**  **(%)** | **30/09/2016**  **(%)** | **30/09/2015**  **(%)** |
| 1.Danh mục trái phiếu | 39.95 | 51.9 | 48.0 |
| 2.Tài sản khác | 60.05 | 48.1 | 52.0 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **30/09/2017**  **(%)** | **30/09/2016**  **(%)** | **30/09/2015**  **(%)** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 209,300,081,825 | 100,742,551,188 | 106,099,492,831 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 13,365,682.99 | 7,405,360.58 | 8,573,551.42 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 15,659.51 | 13,604.00 | 12,375.20 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 15,670.92 | 13,616.20 | 12,205.18 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 13,550.89 | 12,375.84 | 11,735.09 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 410.81% | 1086.50% | -178.88% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -23.98% | 617.78% | -91.28% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 434.79% | 468.71% | -87.60% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.20% | 1.83% | 1.82% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1.83 | 1.21 | 3.22 |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 15,11% | 15,11% |
| - 3 năm | 33,44% | 10,09% |
| - Từ khi thành lập | 56,77% | 10,97% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **30/09/2017**  **(%)** | **30/09/2016**  **(%)** | **30/09/2015**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 9,53% | 6,41% | 15,69% |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

1. **Thị trường sơ cấp:**

Tháng 9/2017, thị trường trái phiếu sơ cấp đã cho thấy những tín hiệu tín cực. Trong tháng, HNX đã tổ chức tổng cộng 16 phiên đấu thầu, và đã huy động được 4.086 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, tăng 28,5% so với tháng 8/2017. Tỷ lệ trúng thầu so với giá trị gọi thầu đạt 47,5%, cải thiện đáng kể so với con số 24,4% của tháng 8. Mức lợi suất kỳ vọng của nhà đầu tư cũng giảm đáng kể khi mức lợi suất đặt thầu cao nhất giảm 20-25 điểm cơ bản ở tất cả các kỳ hạn. Tỷ lệ đặt thầu trên tổng khối lượng gọi thầu tăng lên 3,141 lần (tăng 59,18% so với tháng 8) và số phiên huy động thành công cũng tăng lên 10/16 phiên tổ chức đấu thầu.

Lợi suất trúng thầu của trái phiếu Kho bạc Nhà nước biến động trong biên độ hẹp nhưng với xu hướng chung là tăng nhẹ. Lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 5 năm nằm trong khoảng 4,63 - 4,67%/năm, 7 năm trong khoảng 4,83 - 4,85%/năm, 10 năm trong khoảng 5,38 - 5,40%/năm và 30 năm là 6,10%/năm. (Kỳ hạn 15 năm và 20 năm không phát hành thành công).

Trong quý III, tổng khối lượng trái phiếu Chính phủ do KBNN phát hành là 22.435 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 56.496 tỷ đồng của quý I và 69.247 tỷ đồng trong quý II, không hoàn thành kế hoạch của cả quý. Xét chung 9 tháng đầu năm, KBNN đã phát hành được tổng cộng 148.178 tỷ đồng, tương đương với 80,8% kế hoạch năm 2017, giảm đáng kể so với con số huy động được cùng kỳ năm 2016 (với 249.880 tỷ đồng). Kết quả của quý III đã phần nào phản ánh động thái giảm nguồn cung trái phiếu trong bối cảnh tạm thời chưa giải ngân được nguồn vốn đã huy động của các năm trước. Trong quý IV, với sự tham gia của Bảo hiểm xã hội với tư cách là thành viên thị trường sơ cấp trong những tháng cuối năm 2017, thị trường trái phiếu sơ cấp được dự báo là sẽ sôi động hơn quý III.

Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, mức chênh lệch với trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn đang có xu hướng tăng nhẹ từ 20-25 điểm cơ bản của tháng trước lên 40-45 điểm cơ bản trong tháng 9, do nhu cầu tái đầu tư kỳ hạn dài hơn của các công ty bảo hiểm tạo áp lực bán ra các kỳ hạn này. Đồng thời, thời điểm cuối tháng 9 cũng gần với sát với quý IV, khi mà trái phiếu Chính phủ bảo lãnh sẽ tiếp tục được phát hành trở lại.

1. **Thị trường thứ cấp**

Giao dịch trên thi trường thứ cấp có dấu hiệu khởi sắc hơn tháng trước do các nhà đầu tư đã phần nào quen với mặt bằng lãi suất mới và nhu cầu chốt lợi nhuận cho quý III/2017. Tổng giá trị giao dịch thông thường đạt 105.815 tỷ đồng, tăng nhẹ 11,74% so với tháng 8. Trong đó, giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày đạt 5.039 tỷ đồng, tăng 22,39% so với tháng trước. Xu hướng chủ đạo của lợi suất trái phiếu trong quý là giảm. Mức lợi suất giao dịch thứ cấp đã giảm 10 đến 25 điểm cơ bản tùy kỳ hạn và quay trở lại giao dịch tiệm cận với mức lợi suất thấp kỷ lục của thứ cấp. Kỳ hạn thu hút được nhiều sự chú ý của các nhà đầu tư giao dịch trên thứ cấp nhất vẫn là kỳ hạn ngắn dưới 5 năm, chiếm 52,57% tổng khối lượng giao dịch. Các giao dịch kỳ hạn dài từ 15 đến 30 năm vẫn chiếm một tỷ lệ lớn với 17,65% tổng khối lượng giao dịch. Đối với giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, trong tháng 9, tổng giá trị giao dịch của khối ngoại đã giảm rất mạnh, chỉ đạt 729 tỷ đồng; tuy nhiên xu thế mua ròng đã quay lại và đạt 147 tỷ đồng, nâng tổng số mua ròng từ đầu năm 2017 lên 15.095 tỷ đồng.

**IV, Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 434.79% | 235.17% | N/A |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -23.98% | 23.91% | N/A |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 410.81% | 259.08% | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 15,11% | 33,44% | 56,77% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;

● Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất,

● Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán, Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng,

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất,



● Thay đổi giá trị tài sản ròng,

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 09/2017 | 09/2016 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 209,300,081,825 | 100,742,551,188 | 107.76% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 15,659.51 | 13,604.00 | 15.11% |

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ và chỉ rõ nguyên nhân,

Trong giai đoạn 30/09/2016-30/09/2017, quỹ VFMVFB có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng trưởng 15,11% chủ yếu do lợi nhuận từ việc tăng giá các tài sản đang nắm giữ và lãi suất từ các khoản đầu tư, Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tăng trưởng 107.76%, cao hơn tăng trưởng của NAV/chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư thực hiện mua ròng chứng chỉ quỹ VFMVFB khiến tài sản quỹ tăng trưởng so với đầu kỳ.

**4,2, Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 49 | 56,150.08 | 0.42 |
| Từ 5000 - 10.000 | 9 | 60,890.5 | 0.46 |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 14 | 363,319.96 | 2.72 |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 18 | 2,551,366.76 | 19.1 |
| Trên 500.000 | 7 | 10,333,955.69 | 77.32 |
| **Tổng cộng** | 97 | 13,365,682.99 | 100 |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất,*

**5,** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Trình bày cam kết chính sách của Công ty quản lý quỹ về chi phí ngầm, giảm giá và tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Thị trường trái phiếu thứ cấp trong quý IV được dự báo là sẽ tiếp tục không thực sự sôi động khi cả bên bán và bên mua đều thận trọng. Tuy nhiên về lợi suất trái phiếu trên thị trường thứ cấp được cho là sẽ chịu áp lực tăng trong những tháng cuối năm khi lạm phát đang có xu hương tăng trở lại khi CPI tháng 9 tăng 3,4% so với cùng kỳ năm ngoái và xu hướng tăng mạnh trong 3 tháng gần đây, cùng với áp lực giải ngân bình quân mỗi tháng 3% từ các ngân hàng thương mại để hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra cho năm 2017 sẽ tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất thị trường liên ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước vẫn đang có nhiều công cụ chính sách tiền tệ chưa sử dụng và tùy theo diễn biến của các chỉ số kinh tế vĩ mô, NHNN sẽ có những hỗ trợ nhất định cho mặt bằng lãi suất

**VI, Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ VFB | Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
|  | | | | |
| Ban đại diện Quỹ | Nguyễn Bội Hồng Lê | Chủ tịch | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí * Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS   Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư | * Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
|  | | | | |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Trần Thanh Tân | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Nguyễn Minh Đăng Khánh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính | Thạc sỹ Tài chính – kinh tế | * Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Văn Hiếu | Phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam * Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án công ty Generali Việt Nam * Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam * Từ 2016 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
|  | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tp HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2017* **TỔNG (GIÁM) ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  |